



**Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT
và các công ty con**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT và các công ty con
Báo cáo của Ban Giám đốc (tiếp theo)

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT (“Công ty”) chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (được gọi chung là “Tập đoàn”) cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 5 đến trang 47 đã được lập và trình bày để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty và các công ty con sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Giám đốc



Võ Văn Mai
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày: 31-03-2013



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Hanoi Landmark Tower,
72 Building, Plot E6, Pham Hung Street,
Me Tri, Tu Liem, Hanoi city
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone + 84 (4) 3946 1600
Fax + 84 (4) 3946 1601
Internet www.kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT (“Công ty”) và các công ty con (được gọi chung là “Tập đoàn”) tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo, được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 31 tháng 3 năm 2013, được trình bày từ trang 5 đến 47. Việc lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để có được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính hợp nhất không chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và thuyết trình trong báo cáo tài chính. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và các ước tính quan trọng của Ban Giám đốc, cũng như việc đánh giá cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Dự phòng các khoản phải thu khó đòi

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Công ty đã trích lập dự phòng phải thu khó đòi trị giá 5 tỷ VND cho khoản phải thu đã phát sinh quá 1 năm trị giá 20 tỷ VND từ Công ty TNHH HIPT Mobile, một công ty con cũ của Công ty. Chúng tôi không thể thực hiện được các thủ tục kiểm toán cần thiết để thu thập được đầy đủ bằng chứng về khả năng thu hồi của khoản phải thu này. Do đó, chúng tôi không thể xác định các điều chỉnh cần thiết đối với các khoản mục dự phòng các khoản phải thu khó đòi, chi phí quản lý doanh nghiệp, thuế thu nhập, lợi nhuận thuần và lợi nhuận chưa phân phối tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ các ảnh hưởng nếu có của vấn đề trình bày trong phần Cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Giấy Chứng nhận Đầu tư số: 011043000345

Báo cáo kiểm toán số: 12-02-121-b



Wang Loan Kim

Chứng chỉ kiểm toán viên số N.0557/KTV

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2013



Trần Hằng Thu

Chứng chỉ kiểm toán viên số N.0877/KTV

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 01 – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		385.516.993.283	391.808.846.491
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	114.701.287.051	131.657.260.771
Tiền	111		45.425.734.821	65.595.616.477
Các khoản tương đương tiền	112		69.275.552.230	66.061.644.294
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	13	70.165.000.000	-
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn khác	121		70.165.000.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130	6	138.856.992.004	189.480.236.017
Phải thu khách hàng	131		68.932.163.673	158.673.336.590
Trả trước cho người bán	132		4.890.062.776	17.099.412.702
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng	134	6	66.604.752.890	7.974.132.358
Các khoản phải thu khác	135	6	6.970.850.371	8.305.285.122
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139	32	(8.540.837.706)	(2.571.930.755)
Hàng tồn kho	140	7	49.678.651.740	59.851.365.809
Hàng tồn kho	141		50.945.554.241	61.599.198.321
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.266.902.501)	(1.747.832.512)
Tài sản ngắn hạn khác	150		12.115.062.488	10.819.983.894
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	5.696.485
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		868.818.617	2.699.830.461
Thuế và các khoản phải thu Ngân sách				
Nhà nước	154		308.584.492	237.429.779
Tài sản ngắn hạn khác	158	8	10.937.659.379	7.877.027.169

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		134.405.802.024	193.023.573.425
Các khoản phải thu dài hạn	210		454.444.286	554.951.170
Phải thu dài hạn khác	218		454.444.286	554.951.170
Tài sản cố định	220		46.998.169.664	50.847.679.248
Tài sản cố định hữu hình	221	9	44.097.283.750	16.968.145.241
Nguyên giá	222		65.772.746.037	40.582.778.307
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(21.675.462.287)	(23.614.633.066)
Tài sản cố định vô hình	227	10	2.900.885.914	3.287.852.849
Nguyên giá	228		4.951.158.321	5.187.958.321
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.050.272.407)	(1.900.105.472)
Xây dựng cơ bản dở dang	230	11	-	30.591.681.158
Bất động sản đầu tư	240	12	21.087.293.299	22.296.592.020
Nguyên giá	241		24.789.857.165	24.789.857.165
Giá trị hao mòn lũy kế	242		(3.702.563.866)	(2.493.265.145)
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	13	63.051.043.116	112.788.337.328
Đầu tư vào các công ty liên kết, liên doanh	252		19.683.953.116	23.783.747.328
Đầu tư dài hạn khác	258		43.367.090.000	89.004.590.000
Tài sản dài hạn khác	260		2.814.851.659	6.536.013.659
Chi phí trả trước dài hạn	261		2.006.709.270	2.859.582.725
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	15	770.698.506	3.567.875.909
Tài sản dài hạn khác	268		37.443.883	108.555.025
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		519.922.795.307	584.832.419.916

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		146.462.373.812	227.448.362.156
Nợ ngắn hạn	310		121.118.357.058	194.722.434.441
Vay ngắn hạn	311	16	93.000.000	28.256.894.175
Phải trả người bán	312		22.310.905.984	46.507.001.256
Người mua trả tiền trước	313		11.414.010.696	20.783.527.497
Thuế và các khoản phải nộp Ngân sách Nhà nước	314	17	2.153.873.904	8.907.673.740
Phải trả người lao động	315		2.298.791.648	2.796.982.294
Chi phí phải trả	316	18	4.520.308.696	3.835.562.811
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng	318		555.344.509	62.757.500
Các khoản phải trả khác	319	19	77.772.121.621	83.572.035.168
Nợ dài hạn	330		25.344.016.754	32.725.927.715
Nợ dài hạn khác	333	20	1.460.342.187	26.696.963.372
Dự phòng trợ cấp thôi việc	336	21	-	1.521.494.281
Dự phòng bảo hành	337	21	912.657.814	565.463.844
Doanh thu chưa thực hiện	338		22.971.016.753	3.942.006.218
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		373.460.421.495	357.933.925.003
Vốn chủ sở hữu	410	22	373.460.421.495	357.933.925.003
Vốn cổ phần	411	23	225.590.300.000	182.187.240.000
Thặng dư vốn cổ phần	412	22	136.237.470.000	179.640.530.000
Cổ phiếu quỹ	414	22	(19.010.756.592)	(16.891.275.032)
Quỹ đầu tư phát triển	417	24	12.788.285.298	12.788.285.298
Quỹ dự phòng tài chính	418	24	6.840.705.686	6.840.705.686
Lợi nhuận chưa phân phối (lỗ lũy kế)	420		11.014.417.103	(6.631.560.949)
LỢI ÍCH CÓ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		-	(549.867.243)
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400 + 439)	440		519.922.795.307	584.832.419.916

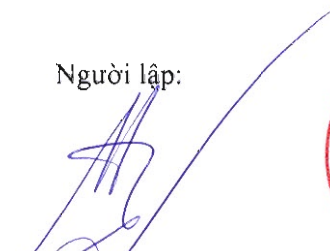
Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất này

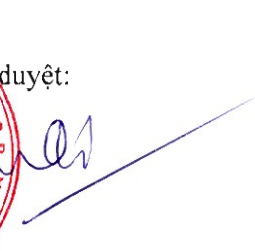
Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/12/2012	31/12/2011
Ngoại tệ - USD	8.020	25.147

Người lập: 
Nguyễn Trần Hiền
Kế toán trưởng

Người duyệt: 
Võ Văn Mai
Tổng Giám đốc



31 -03- 2013

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT và các công ty con

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 02 – DN/HN

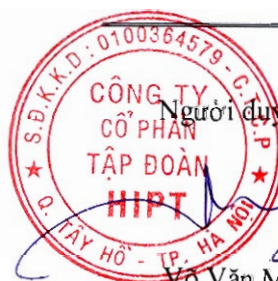
	Mã số	Thuyết minh	2012 VND	2011 VND
Tổng doanh thu	01	25	438.004.625.540	499.401.045.189
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	25	16.979.680.899	2.878.543.281
Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)	10	25	421.024.944.641	496.522.501.908
Giá vốn hàng bán	11	26	322.512.798.029	419.985.730.578
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		98.512.146.612	76.536.771.330
Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	21.926.142.048	17.621.197.669
Chi phí tài chính	22	28	1.422.206.463	4.508.651.822
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		905.628.893	1.021.295.471
Chi phí bán hàng	24		35.554.253.369	41.526.349.924
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		61.979.874.272	67.499.686.951
Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21-22) - (24+25)}	30		21.481.954.556	(19.376.719.698)
Thu nhập khác	31	29	6.212.639.942	4.672.649.160
Chi phí khác	32	30	1.824.721.693	2.095.604.165
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		4.387.918.249	2.577.044.995
(Lỗ)/lãi từ đầu tư vào các công ty liên kết	41		(2.132.557.399)	1.664.311.850
Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế (50 = 30 + 40 + 41)	50		23.737.315.406	(15.135.362.853)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	31	2.772.208.905	4.867.873.521
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	31	2.797.177.403	6.938.459.294
Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		18.167.929.098	(26.941.695.668)
Phân bổ cho:				
Cổ đông thiểu số	61		549.867.243	(550.070.742)
Chủ sở hữu của Công ty	62		17.618.061.855	(26.391.624.926)
Lãi/(lỗ) trên cổ phiếu				Điều chỉnh lại
Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	70	33	813	(1.214)

Người lập:

Nguyễn Trần Hiền
Kế toán trưởng

Người duyệt:

Võ Văn Mai
Tổng Giám đốc



31-03-2013

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN/HN

	Mã số	Thuyết minh	2012 VND	2011 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế	01		23.737.315.406	(15.135.362.853)
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		7.029.936.736	4.793.494.116
Các khoản dự phòng	03		5.731.589.417	(2.802.520.541)
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		(1.958.645)	377.861.415
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	05		(55.720.560)	(40.040.715)
Xóa sổ tài sản cố định	05		988.847	-
Xóa sổ lợi thế thương mại	05		-	856.229.173
Lãi từ thanh lý công ty con	05		(15.223.196.727)	-
Lỗ từ thanh lý đầu tư dài hạn khác	05		216.467.384	-
Thu nhập tiền lãi và cổ tức	05		(6.585.464.199)	(12.571.522.683)
Chi phí lãi vay	06		905.628.893	1.021.295.471
Lỗ/(lãi) thuần từ đầu tư vào các công ty liên kết	07		2.132.557.399	(1.664.311.850)
Lợi nhuận/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		17.888.143.951	(25.164.878.467)
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09		39.238.707.062	14.535.365.614
Biến động hàng tồn kho	10		6.617.034.326	(36.249.733.998)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(26.796.687.339)	3.955.369.425
Biến động chi phí trả trước	12		858.569.940	862.016.556
			37.805.767.940	(42.061.860.870)
Tiền lãi vay đã trả	13		(905.628.893)	(1.021.295.471)
Thuế thu nhập đã nộp	14		(5.695.877.151)	(16.029.772.713)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(306.084.703)	(5.059.869.165)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		30.898.177.193	(64.172.798.219)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất này

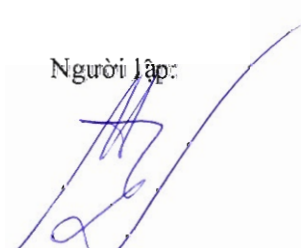
Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN/HN

	Mã	Thuyết	2012	2011
	số	minh	VND	VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(2.391.158.445)	(7.597.259.450)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		143.597.151	86.697.651
Tiền thuần thu từ thanh lý công ty con và các công cụ vốn tại đơn vị khác	24		2.178.172.204	-
Tiền chi góp vốn đầu tư vào các đơn vị khác	25		(24.362.500.000)	(1.000.000.000)
Ứng trước từ một bên thứ ba liên quan đến việc mua lại khoản đầu tư	26		-	70.000.000.000
Giảm quỹ đầu tư ủy thác	26		-	(9.950.000.000)
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		8.052.701.012	12.571.522.683
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(16.379.188.078)	64.110.960.884

LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Tiền chi mua lại cổ phiếu quỹ	32	23	(2.119.481.560)	(6.105.014.252)
Tiền vay ngắn hạn nhận được	33		45.822.234.413	130.959.304.509
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(73.986.128.588)	(112.321.876.345)
Tiền trả cổ tức	36	34	(1.191.587.100)	(24.853.342.960)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(31.474.962.835)	(12.320.929.048)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		(16.955.973.720)	(12.382.766.383)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		131.657.260.771	144.047.885.577
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61		-	(7.858.423)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	5	114.701.287.051	131.657.260.771

Người lập: 
 Nguyễn Trần Hiền
 Kế toán trưởng

Người duyệt: 
 Võ Văn Mai
 Tổng Giám đốc



31-03-2013

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 09 – DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 bao gồm Công ty và các công ty con của Công ty (sau đây gọi chung là “Tập đoàn”) và lợi ích của Tập đoàn tại các công ty liên kết, liên doanh. Các hoạt động chính của Tập đoàn là cung cấp các dịch vụ và sản phẩm liên quan đến công nghệ thông tin (“CNTT”) như tích hợp hệ thống, phát triển và dịch vụ phần mềm, phân phối các sản phẩm CNTT; bảo dưỡng và bảo hành thiết bị và hệ thống CNTT.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Tập đoàn có 516 nhân viên (31/12/2011: 547 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về việc tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan áp dụng cho báo cáo tài chính hợp nhất.

(b) Cơ sở đánh giá

Các báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”).

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở hợp nhất

Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Sự kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có quyền điều hành các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Việc đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

Công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát (các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu)

Công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát là những cơ sở kinh doanh mà Tập đoàn có quyền đồng kiểm soát, được thiết lập bằng thỏa thuận hợp đồng và đòi hỏi sự nhất trí của các bên liên doanh đối với các quyết định chiến lược về tài chính và hoạt động. Công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu (các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu). Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong thu nhập và chi phí của đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu cho tới ngày kết thúc của sự ảnh hưởng đáng kể hoặc đồng kiểm soát. Khi phần lỗ của đơn vị nhận đầu tư mà Tập đoàn phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong đơn vị nhận đầu tư hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm toàn bộ các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ khi khoản lỗ sau đó trong phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho đơn vị nhận đầu tư.

Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư trong nội bộ Tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại đơn vị nhận đầu tư.

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư được phản ánh theo nguyên giá. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá thị trường của khoản đầu tư giảm xuống thấp hơn nguyên giá hoặc nếu công ty nhận đầu tư bị lỗ. Dự phòng được hoàn nhập nếu việc tăng giá trị có thể thu hồi sau đó có thể liên hệ một cách khách quan tới một sự kiện phát sinh sau khi khoản dự phòng này được lập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp đích danh và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- | | |
|--------------------------|------------|
| ▪ nhà cửa | 25 năm |
| ▪ thiết bị văn phòng | 3 – 6 năm |
| ▪ máy móc và thiết bị | 5 – 10 năm |
| ▪ phương tiện vận chuyển | 5 năm |

(h) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 25 năm.

(ii) Thương hiệu

Chi phí mua thương hiệu và nhãn hiệu được ghi nhận là tài sản cố định vô hình. Thương hiệu và nhãn hiệu được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong toàn bộ thời gian hữu dụng ước tính.

(iii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 - 8 năm.

(i) Bất động sản đầu tư

(i) Nguyên giá

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động hiện tại cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng bất động sản đầu tư vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- | | |
|---------------------|--------|
| ▪ Quyền sử dụng đất | 20 năm |
| ▪ Nhà cửa | 20 năm |

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(j) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng chưa được hoàn thành. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng.

(k) Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 15 đến 36 tháng.

(l) Giá trị hợp đồng dở dang

Giá trị hợp đồng xây dựng dở dang được phản ánh theo giá vốn cộng với lợi nhuận ước tính cho đến thời điểm kết thúc năm kế toán trừ đi dự phòng lỗ dự kiến. Giá vốn phản ánh các khoản chi phí liên quan trực tiếp và có thể tính vào giá thành theo hợp đồng xây dựng. Khoản chênh lệch của giá trị hợp đồng xây dựng cơ bản dở dang cao hơn hoặc thấp hơn so với thanh toán theo tiến độ kế hoạch và tạm ứng từ khách hàng được thể hiện là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng.

(m) Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con, công ty liên kết và liên doanh. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, công nợ và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua. Khoản chênh lệch âm (lợi thế thương mại âm) được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm. Khi kế toán các khoản đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại được bao gồm trong giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(n) Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(o) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các nghĩa vụ về khoản nợ phải trả đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến có thể phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá hiện tại của thị trường về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(i) Chi phí bảo hành

Khoản dự phòng về chi phí bảo hành liên quan chủ yếu tới hàng hóa đã bán ra và dịch vụ đã cung cấp trong ba năm gần nhất. Khoản dự phòng được lập dựa trên ước tính xuất phát từ các dữ liệu thống kê lịch sử về chi phí bảo hành đã phát sinh liên quan tới các sản phẩm và dịch vụ tương tự.

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(ii) Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở mức lương hiện tại của nhân viên và thời gian họ làm việc cho Tập đoàn.

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Tập đoàn và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Tập đoàn không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 1 tháng 1 năm 2009. Tuy nhiên, trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện hiện có tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2012 sẽ được xác định dựa trên số năm làm việc của nhân viên được tính đến 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước thời điểm thôi việc.

(p) Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích cung cấp các thông tin về ý nghĩa của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Tập đoàn và tính chất và phạm vi rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Tập đoàn phân loại các công cụ tài chính như sau:

(i) Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/ mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Tập đoàn xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Tập đoàn có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Tập đoàn có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và cũng như các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Tập đoàn xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Các khoản được Tập đoàn xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải đo suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Tài sản sẵn sàng để bán

Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản cho vay và các khoản phải thu; hoặc
- các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn.

(ii) *Nợ phải trả tài chính*

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:
 - được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/ mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Tập đoàn xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(q) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(r) Doanh thu

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

(ii) Cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ tích hợp hệ thống và phát triển và dịch vụ phần mềm ứng dụng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc niên độ. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc chủ yếu dựa trên tiến độ thực tế, thời gian làm việc hay các chi phí phát sinh, căn cứ vào phương pháp phù hợp cho mỗi loại hợp đồng. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

Doanh thu liên quan đến dịch vụ bảo hành thiết bị CNTT và bảo trì hệ thống được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn bảo hành.

(iii) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(s) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền được thanh toán cổ tức được thiết lập.

(t) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(u) Chi phí lãi vay

Chi phí lãi vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí lãi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện thì khi đó chi phí lãi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản cố định này.

(v) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

(w) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Ban Giám đốc cho rằng Tập đoàn hoạt động trong một lĩnh vực kinh doanh, là kinh doanh và cung cấp các sản phẩm và dịch vụ CNTT và một khu vực địa lý, là Việt Nam do các điều kiện kinh tế, chính trị và pháp luật là tương tự như nhau.

(x) Các bên liên quan

Các bên liên quan bao gồm các cổ đông, các công ty liên kết, liên doanh và các bên khác theo quy định của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Hệ thống Kế toán Việt Nam.

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

4. Thanh lý công ty con

Ngày 11 tháng 7 năm 2012, Tập đoàn chuyển giao 100% vốn góp tại Công ty TNHH HIPT Mobile (“HIPT Mobile”) cho một bên thứ ba.

Giao dịch thanh lý HIPT Mobile có ảnh hưởng tới tài sản và công nợ của Tập đoàn tại ngày thanh lý như sau:

	Giá trị ghi sổ tại thời điểm thanh lý VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	15.360.412
Các khoản phải thu – ngắn hạn	3.048.129.491
Hàng tồn kho	3.033.186.669
Tài sản ngắn hạn khác	1.187.635.216
Tài sản cố định hữu hình	116.752.376
Tài sản cố định vô hình	144.412.200
Chi phí trả trước dài hạn	220.942.654
Nợ phải trả ngắn hạn	(21.079.615.745)
Giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả thuần có thể xác định được	(13.313.196.727)
Phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị ghi sổ của nợ phải trả thuần của công ty con tại ngày thanh lý	(13.313.196.727)
Lãi từ việc thanh lý công ty con	15.223.196.727
Tiền thu từ thanh lý công ty con	1.910.000.000

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2012 VND	31/12/201 VND
Tiền mặt	342.532.276	1.386.740.115
Tiền gửi ngân hàng	45.083.202.545	64.208.876.362
Các khoản tương đương tiền	69.275.552.230	66.061.644.294
	114.701.287.051	131.657.260.771

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

6. Các khoản phải thu ngắn hạn

Bao gồm trong các khoản phải thu có các khoản phải thu từ các công ty liên quan sau:

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Phải thu từ các công ty liên quan		
Thương mại	19.347.940.565	4.603.500.000

Các khoản phải thu thương mại từ các công ty liên quan không có đảm bảo, không tính lãi và có thể thu được khi yêu cầu.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, không có khoản phải thu nào (31/12/2011: 38.500 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn.

Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng và các khoản tạm ứng của khách hàng bao gồm:

	2012 VND	2011 VND
Lũy kế doanh thu theo hợp đồng ghi nhận tại thời điểm đầu năm	10.184.412.697	3.151.250.000
Doanh thu theo hợp đồng ghi nhận trong năm	56.420.340.193	31.537.672.108
Lũy kế doanh thu theo hợp đồng ghi nhận tại thời điểm cuối năm	66.604.752.890	34.688.922.108
Hóa đơn phát hành theo tiến độ và các khoản tạm ứng của khách hàng	-	(26.714.789.750)
	66.604.752.890	7.974.132.358

Các khoản phải thu ngắn hạn khác bao gồm:

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Phải thu các khoản cho nhân viên vay	1.794.390.954	4.149.519.879
Thuế GTGT đầu vào chưa kê khai	1.497.418.525	1.729.200.528
Phải thu khác	3.679.040.892	2.426.564.715
	6.970.850.371	8.305.285.122

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

7. Hàng tồn kho

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Hàng mua đang đi trên đường	1.349.160.776	3.957.320.000
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	11.633.326.036	6.675.871.610
Hàng hóa	37.593.321.484	49.693.047.716
Hàng gửi đi bán	369.745.945	1.272.958.995
	50.945.554.241	61.599.198.321
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.266.902.501)	(1.747.832.512)
	49.678.651.740	59.851.365.809

Bao gồm trong hàng hóa tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 có 1.267 triệu VND (31/12/2011: 4.190 triệu VND) hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm là như sau:

	2012 VND	2011 VND
Số dư đầu năm	1.747.832.512	1.440.104.538
Tăng dự phòng trong năm	332.010.704	693.140.770
Sử dụng	(420.577.211)	(385.412.796)
Hoàn nhập	(392.363.504)	-
Số dư cuối năm	1.266.902.501	1.747.832.512

8. Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Tạm ứng cho nhân viên thực hiện hợp đồng	10.351.394.506	7.024.533.439
Đặt cọc mở thư tín dụng	586.264.873	852.493.730
	10.937.659.379	7.877.027.169

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

9. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa VND	Thiết bị văn phòng VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	10.550.268.696	25.348.315.609	4.121.532.813	562.661.189	40.582.778.307
Tăng trong năm	-	2.376.958.445	-	-	2.376.958.445
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	30.299.236.100	222.445.058	-	-	30.521.681.158
Thanh lý	-	(203.604.753)	-	-	(203.604.753)
Xóa sổ	-	(5.215.756.864)	-	(21.013.847)	(5.236.770.711)
Thanh lý công ty con	-	(2.268.296.409)	-	-	(2.268.296.409)
Số dư cuối năm	40.849.504.796	20.260.061.086	4.121.532.813	541.647.342	65.772.746.037
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	2.954.075.220	16.820.443.807	3.606.341.230	233.772.809	23.614.633.066
Khấu hao trong năm	2.251.880.023	2.750.944.107	515.191.583	45.867.567	5.563.883.280
Thanh lý	-	(115.728.162)	-	-	(115.728.162)
Xóa sổ	-	(5.215.756.864)	-	(20.025.000)	(5.235.781.864)
Thanh lý công ty con	-	(2.151.544.033)	-	-	(2.151.544.033)
Số dư cuối năm	5.205.955.243	12.088.358.855	4.121.532.813	259.615.376	21.675.462.287
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	7.596.193.476	8.527.871.802	515.191.583	328.888.380	16.968.145.241
Số dư cuối năm	35.643.549.553	8.171.702.231	-	282.031.966	44.097.283.750

Bao gồm trong nguyên giá tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 có 23.371 triệu VND liên quan đến khu nhà thấp tầng tại cùng địa chỉ với Công ty. Việc xây dựng khu nhà này một phần do các cá nhân tài trợ với số tiền là 25.349 triệu VND (Thuyết minh 20). Việc xây dựng khu nhà này đã hoàn thành tuy nhiên Công ty và các cá nhân liên quan vẫn chưa thỏa thuận xong về quyền sở hữu khu nhà và các nghĩa vụ tài chính của các bên. Trong năm, Công ty đã thực hiện kết chuyển tài sản này từ Chi phí xây dựng cơ bản dở dang sang Tài sản cố định hữu hình và bắt đầu thực hiện trích khấu hao theo kết luận của Đoàn thanh tra Cục thuế Thành phố Hà Nội ngày 12 tháng 10 năm 2012.

Bao gồm trong nguyên giá tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 có các tài sản có nguyên giá 9.400 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (31/12/2011: 9.150 triệu VND).

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Thương hiệu VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	3.926.442.619	588.000.000	673.515.702	5.187.958.321
Tăng trong năm	-	-	14.200.000	14.200.000
Xóa sổ	-	-	(68.500.000)	(68.500.000)
Thanh lý công ty con	-	-	(182.500.000)	(182.500.000)
Số dư cuối năm	3.926.442.619	588.000.000	436.715.702	4.951.158.321
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	1.099.403.931	544.982.408	255.719.133	1.900.105.472
Khấu hao trong năm	157.057.705	-	99.697.030	256.754.735
Xóa sổ	-	-	(68.500.000)	(68.500.000)
Thanh lý công ty con	-	-	(38.087.800)	(38.087.800)
Số dư cuối năm	1.256.461.636	544.982.408	248.828.363	2.050.272.407
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	2.827.038.688	43.017.592	417.796.569	3.287.852.849
Số dư cuối năm	2.669.980.983	43.017.592	187.887.339	2.900.885.914

11. Xây dựng cơ bản dở dang

	2012 VND	2011 VND
Số dư đầu năm	30.591.681.158	24.491.681.158
Tăng trong năm	-	6.100.000.000
Chuyển sang các tài sản cố định hữu hình	(30.521.681.158)	-
Xóa sổ	(70.000.000)	-
Số dư cuối năm	-	30.591.681.158

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

12. Bất động sản đầu tư

	Quyền sử dụng đất VND	Nhà cửa VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm và cuối năm	22.122.085.200	2.667.771.965	24.789.857.165
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	2.212.208.520	281.056.625	2.493.265.145
Khấu hao trong năm	1.106.104.260	103.194.461	1.209.298.721
Số dư cuối năm	3.318.312.780	384.251.086	3.702.563.866
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	19.909.876.680	2.386.715.340	22.296.592.020
Số dư cuối năm	18.803.772.420	2.283.520.879	21.087.293.299

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, bất động sản đầu tư liên quan đến một mảnh đất chưa sử dụng tại Đà Nẵng và nhà cửa trên mảnh đất đó mà đang được nắm giữ để cho thuê và chờ tăng giá.

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư không được xác định bởi vì Công ty chưa thực hiện việc xác định giá trị hợp lý.

13. Các khoản đầu tư

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Đầu tư dài hạn dạng vốn chủ sở hữu vào:		
▪ các công ty liên kết, liên doanh (*)	19.683.953.116	23.783.747.328
▪ các đơn vị khác (**)	43.367.090.000	89.004.590.000
	63.051.043.116	112.788.337.328

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(*) Biến động các khoản đầu tư tại các công ty liên kết, liên doanh trong năm như sau:

	2012 VND	2011 VND
Số dư đầu năm	23.783.747.328	21.119.435.478
Tăng trong năm	-	1.000.000.000
Giảm trong năm	(500.000.000)	-
(Lỗ)/lãi từ đầu tư vào các công ty liên kết và liên doanh	(2.132.557.399)	1.664.311.850
Cổ tức được chia	(1.467.236.813)	-
	19.683.953.116	23.783.747.328

(**) Chi tiết các khoản đầu tư vào các đơn vị khác như sau:

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Ngân hàng TMCP Bảo Việt (a)	2.000.000.000	72.000.000.000
Công ty CP Chứng khoán Tân Việt	11.054.590.000	11.054.590.000
Công ty CP Dịch vụ Di động Trực tuyến M-Service	8.312.500.000	5.950.000.000
Công ty CP Ví Việt	21.000.000.000	-
Dự án Đảo Sen	1.000.000.000	-
	43.367.090.000	89.004.590.000

- (a) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, bao gồm 200.000 cổ phiếu mệnh giá 10.000 VND một cổ phần, trong đó 80.000 cổ phiếu trị giá 800 triệu VND thuộc về nguồn vốn đầu tư ủy thác nhận từ các cá nhân (Thuyết minh 20).

Tháng 1 năm 2011, Công ty ký kết một thỏa thuận chuyển nhượng 7.000.000 cổ phần tại Ngân hàng TMCP Bảo Việt cho một bên thứ ba với giá 10.000 VND một cổ phần. Theo đó, ngày 17 tháng 1 năm 2011, Công ty nhận được một khoản thanh toán trị giá 70.000 triệu VND như một sự đảm bảo cho việc chuyển nhượng quyền sở hữu cổ phần. Theo Thỏa thuận chuyển nhượng cổ phiếu, việc chuyển nhượng cổ phiếu sẽ được diễn ra muộn nhất vào ngày 11 tháng 12 năm 2013. Nguồn vốn ủy thác cho số cổ phiếu tại Ngân hàng TMCP Bảo Việt trị giá 70.000 triệu VND được ghi nhận là đầu tư tài chính dài hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và được phân loại lại là đầu tư tài chính ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2012. Công ty ghi nhận khoản tạm ứng vào khoản mục phải trả khác (xem Thuyết minh 19).

	31/12/2012	VND
	Số lượng cổ phiếu	
Đầu tư ngắn hạn:		
▪ Cổ phiếu tại Ngân hàng TMCP Bảo Việt (a)	7.000.000	70.000.000.000
▪ Tiền gửi có kỳ hạn		165.000.000
		70.165.000.000

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

14. Các đơn vị trong Tập đoàn

Dưới đây là danh sách các công ty con, công ty liên kết, liên doanh của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12:

Các công ty con	Hợp nhất	% sở hữu và quyền biểu quyết	
		2012	2011
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Tin học HIPT (“HIST Ltd.”)	Có	100%	100%
Công ty TNHH HIPT Mobile (“HIPT Mobile”) (*)	Có	-	100%
Công ty TNHH Dịch vụ Đầu tư HIPT (“HIPT Invest”)	Có	100%	100%
Công ty TNHH Giải pháp Ngân hàng và Tài chính HIPT (“HIBF Ltd.”)	Có	100%	100%
Công ty TNHH Giải pháp và Tư vấn Công nghệ HIPT (“HISC Ltd.”)	Có	100%	100%
Công ty Cổ phần Phát triển Nguồn Nhân lực Chân trời mới Hà Nội (“New Horizons JSC”)	Có	78%	78%
Công ty TNHH Hệ thống Dịch vụ Công nghệ HIPT (“HISN Ltd.”)	Có	100%	100%
Trường Kỹ nghệ thực hành HIPT (“Trường HIPT”)	Có	100%	100%
Công ty TNHH MTV HIPT Sài Gòn (“HISG Ltd.”)	Có	100%	100%
Công ty Cổ phần Năng lượng Công nghệ cao (“Hi-Power Tech”)	Có	55%	55%

Các công ty con này, ngoại trừ Công ty TNHH MTV HIPT Sài Gòn, có cùng địa chỉ với Công ty tại 152 Thụy Khuê, Quận Tây Hồ, Hà Nội, Việt Nam. Công ty TNHH MTV HIPT Sài Gòn có địa chỉ tại 222-224 Trần Hưng Đạo, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

(*) Ngày 11 tháng 7 năm 2012, Công ty TNHH HIPT Mobile đã bị thanh lý cho một bên thứ ba.

Các công ty liên doanh, liên kết	Địa chỉ	Hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu	% sở hữu và quyền biểu quyết	
			2012	2011
Công ty Cổ phần Đội Công nghệ 3D Hà Nội	Tầng 2, Căn hộ F, 28 Xuân La, phường Xuân La, Tây Hồ, Hà Nội, Việt Nam	Có	25%	25%
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ nghệ Hàng không Việt	152 Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội, Việt Nam	Có	35%	35%
Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin Lam Hồng	2 Vũ Quang, Thành phố Hà Tĩnh, Tỉnh Hà Tĩnh, Việt Nam	Có	26%	26%
Công ty TNHH Giải pháp HIMC	152 Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội, Việt Nam	Có	32%	32%
Công ty Cổ phần Tin học Viễn thông Hàng không	Tòa nhà Arimex, 414 Nguyễn Văn Cừ, Long Biên, Hà Nội, Việt Nam	Có	20%	20%
Thời báo Doanh nhân	64 Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội, Việt Nam	Có	50%	50%
Công ty Thông tin Tín nhiệm Việt Nam (**)	10 Quang Trung, Quận Hà Đông, Hà Nội, Việt Nam	Không	0%	25%
Công ty Cổ phần Thông tin Hapro	38-40, Lê Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam	Có	20%	20%

(**) Tháng 10 năm 2012, Tập đoàn đã chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp tại Công ty Thông tin Tín nhiệm Việt Nam cho một bên thứ ba.

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

15. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả

(i) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Tài sản thuế hoãn lại:		
Doanh thu chưa thực hiện	770.698.506	3.255.968.534
Các khoản mục khác	-	311.907.375
Tổng tài sản thuế thu nhập hoãn lại	770.698.506	3.567.875.909

(ii) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với các khoản lỗ tính thuế sau của Công ty và các công ty con:

	31/12/2012		31/12/2011	
	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND
HISC Ltd.	-	-	25.350.526	6.337.632
HIST Ltd.	327.008.269	81.752.067	272.859.919	68.214.980
HIPT Mobile	-	-	5.535.009.089	1.383.752.272
HIPT Invest	3.354.671.793	838.667.948	-	-
New Horizons JSC	1.072.710.782	268.177.696	1.961.762.830	490.440.708
Trường HIPT	1.841.170.215	460.292.554	4.094.820.998	1.023.705.250
HISN Ltd.	10.626.090.432	2.656.522.608	9.064.256.310	2.266.064.078
HIBF Ltd.	726.246.963	36.312.348	726.246.963	36.312.348
HISG Ltd.	3.793.065.853	948.266.463	-	-
Hi-Power Tech	3.449.631.698	862.407.925	1.179.697.263	294.924.316
	25.190.596.005	6.152.399.609	22.860.003.898	5.569.751.584

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Lỗ tính thuế hết hiệu lực vào các năm sau:

Năm hết hiệu lực	Tình hình quyết toán	Số lỗ được khấu trừ	
		31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
2012	Chưa quyết toán	-	3.232.515.276
2013	Chưa quyết toán	1.509.591.904	2.112.225.728
2014	Chưa quyết toán	2.903.977.659	3.690.042.737
2015	Chưa quyết toán	4.434.125.257	4.814.931.737
2016	Chưa quyết toán	5.244.784.713	9.010.288.420
2017	Chưa quyết toán	11.098.116.472	-
		25.190.596.005	22.860.003.898

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận đối với các khoản mục này bởi vì không chắc chắn sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các công ty con có thể sử dụng các lợi ích thuế của các khoản mục đó.

Biến động các khoản lỗ tính thuế được khấu trừ, nhưng chưa được ghi nhận là tài sản thuế thu nhập hoãn lại, trong năm như sau:

	2012	
	Chênh lệch tạm thời VND	Giá trị tính thuế VND
Lỗ tính thuế được khấu trừ đầu năm	22.860.003.898	5.569.751.584
Lỗ tính thuế được khấu trừ phát sinh trong năm	11.098.116.472	2.774.529.119
Lỗ tính thuế hết hiệu lực trong năm	(3.232.515.276)	(808.128.822)
Giảm do thanh lý công ty con	(5.535.009.089)	(1.383.752.272)
Lỗ tính thuế được khấu trừ cuối năm	25.190.596.005	6.152.399.609

16. Vay ngắn hạn

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất (năm)	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Khoản vay từ ngân hàng 1 (*)	USD	5,6%	-	28.256.894.175
Khoản vay từ ngân hàng 2 – không đảm bảo	VND	9%	93.000.000	-
			93.000.000	28.256.894.175

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, các khoản vay từ ngân hàng được đảm bảo bằng các khoản phải thu của Tập đoàn trị giá 38.500 triệu VND.

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Thuế giá trị gia tăng	333.495.134	3.988.836.383
Thuế xuất nhập khẩu	20.828	195.384.381
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.583.702.535	4.507.370.781
Thuế thu nhập cá nhân	187.116.786	195.220.160
Thuế và các khoản phải nộp khác	49.538.621	20.862.035
	2.153.873.904	8.907.673.740

18. Chi phí phải trả

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Phải trả theo hợp đồng dịch vụ thuê ngoài	4.520.308.696	3.719.672.821
Chi phí khác	-	115.889.990
	4.520.308.696	3.835.562.811

19. Các khoản phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Doanh thu chưa thực hiện	4.594.478.767	10.855.876.711
Tạm ứng từ một bên thứ ba liên quan đến việc mua cổ phần tại Ngân hàng TMCP Bảo Việt (Thuyết minh 13)	70.000.000.000	70.000.000.000
Cổ tức phải trả	-	1.191.587.100
Phải trả khác	3.177.642.854	1.524.571.357
	77.772.121.621	83.572.035.168

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

20. Phải trả dài hạn khác

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Tiền nhận được liên quan đến việc xây dựng Tòa nhà 152 Thụy Khuê (a)	-	25.348.588.372
Nguồn vốn đầu tư ủy thác cho khoản đầu tư vào Ngân hàng TMCP Bảo Việt (Thuyết minh 13)	800.000.000	800.000.000
Phải trả dài hạn khác	660.342.187	548.375.000
	1.460.342.187	26.696.963.372

- (a) Theo kết luận của Đoàn thanh tra Cục thuế Thành phố Hà Nội ngày 12 tháng 10 năm 2012, Công ty đã kết chuyển số tiền nhận được từ các cá nhân liên quan đến việc xây dựng Khu nhà 152 Thụy Khuê (Thuyết minh 9) sang tài khoản Doanh thu chưa thực hiện – dài hạn, và phân bổ vào doanh thu cho thuê theo thời hạn thuê đất của khu nhà thấp tầng này là 18 năm. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, số dư chưa được phân bổ của khoản Doanh thu chưa thực hiện – dài hạn này là 22.971 triệu VND.

21. Các khoản dự phòng

Biến động của các khoản dự phòng trong năm như sau:

	Chi phí bảo hành VND	Trợ cấp thôi việc VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	565.463.844	1.521.494.281	2.086.958.125
Dự phòng tăng trong năm	930.039.844	-	930.039.844
Dự phòng sử dụng trong năm	(582.845.874)	(306.084.703)	(888.930.577)
Hoàn nhập dự phòng trong năm	-	(1.215.409.578)	(1.215.409.578)
Số dư cuối năm	912.657.814	-	912.657.814

Công ty đã kết chuyển số dư quỹ dự phòng trợ cấp thôi việc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 sang tài khoản thu nhập khác theo quy định của Thông tư 180/2012/TT-BTC ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính.

Trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, Tập đoàn đã đóng 400 triệu VND (2011: 320 triệu VND) vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp và khoản này được ghi nhận vào chi phí nhân công trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

22. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư và phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối/ (lỗ lũy kế) VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2011	182.187.240.000	179.640.530.000	(10.786.260.780)	12.788.285.298	12.261.618.477	40.384.081.246	416.475.494.241
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	(6.105.014.252)	-	-	-	(6.105.014.252)
Lỗ thuần trong năm	-	-	-	-	-	(26.391.624.926)	(26.391.624.926)
Phân bổ vào các quỹ thuộc nguồn vốn chủ sở hữu	-	-	-	-	(5.420.912.791)	5.420.912.791	-
Cổ tức	-	-	-	-	-	(26.044.930.060)	(26.044.930.060)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2011	182.187.240.000	179.640.530.000	(16.891.275.032)	12.788.285.298	6.840.705.686	(6.631.560.949)	357.933.925.003
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	17.618.061.855	17.618.061.855
Phát hành cổ phiếu thường	43.403.060.000	(43.403.060.000)	-	-	-	-	-
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	(2.119.481.560)	-	-	-	(2.119.481.560)
Biến động khác	-	-	-	-	-	27.916.197	27.916.197
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2012	225.590.300.000	136.237.470.000	(19.010.756.592)	12.788.285.298	6.840.705.686	11.014.417.103	373.460.421.495

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

23. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2012		31/12/2011	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	22.559.030	225.590.300.000	18.614.336	186.143.360.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	22.559.030	225.590.300.000	18.218.724	182.187.240.000
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	1.056.622	19.010.756.592	856.433	16.891.275.032
Cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	21.502.408	206.579.543.408	17.362.291	165.295.964.968

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 đồng. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi các cổ phiếu tương ứng được phát hành lại.

Biến động vốn cổ phần trong năm như sau:

	2012		2011	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu năm	17.362.291	165.295.964.968	17.660.126	171.400.979.220
Cổ phiếu phát hành trong năm (*)	4.340.306	43.403.060.000		
Cổ phiếu quỹ mua trong năm (**)	(200.189)	(2.119.481.560)	(297.835)	(6.105.014.252)
Số dư cuối năm	21.502.408	206.579.543.408	17.362.291	165.295.964.968

(*) Ngày 14 tháng 4 năm 2012, Đại hội đồng cổ đông họp và phê duyệt phát hành cổ phiếu thường trong năm 2012 theo tỷ lệ 4:1, cụ thể, cổ đông được nhận một cổ phiếu trên mỗi bốn cổ phiếu nắm giữ tại thời điểm chốt quyền.

(**) Trong năm 2012, HIPT Invest, một công ty con của Công ty, đã mua cổ phiếu của Công ty.

24. Các quỹ thuộc nguồn vốn chủ sở hữu

(i) Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư và phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông. Các quỹ này được thành lập cho mục đích mở rộng hoạt động kinh doanh trong tương lai.

(ii) Quỹ dự phòng tài chính

Quỹ dự phòng tài chính được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông. Các quỹ này được thành lập để bảo vệ Tập đoàn trước các rủi ro tài chính và các rủi ro khác.

25. Doanh thu

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp được ghi trên hoá đơn không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2012 VND	2011 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng	341.139.961.605	407.024.692.118
▪ Cung cấp dịch vụ	90.397.010.420	86.620.121.061
▪ Cho thuê	6.467.653.515	5.756.232.010
	438.004.625.540	499.401.045.189
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	(1.040.030.000)	-
▪ Giảm giá hàng bán	(31.044.165)	(31.179.545)
▪ Hàng bán bị trả lại	(15.908.606.734)	(2.847.363.736)
	(16.979.680.899)	(2.878.543.281)
Doanh thu thuần	421.024.944.641	496.522.501.908

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

26. Giá vốn hàng bán

	2012 VND	2011 VND
Hàng hoá đã bán	284.543.272.951	345.235.584.607
Dịch vụ đã cung cấp	34.573.918.974	68.024.719.119
Cho thuê	3.482.357.340	6.417.698.878
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(86.751.236)	307.727.974
	322.512.798.029	419.985.730.578

27. Doanh thu hoạt động tài chính

	2012 VND	2011 VND
Lãi tiền gửi	5.783.757.838	10.174.952.204
Lãi do thanh lý Công ty TNHH HIPT Mobile	15.223.196.727	-
Cổ tức nhận được	801.706.361	2.396.570.479
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	115.086.409	5.017.401.549
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	1.958.645	3.353.335
Doanh thu tài chính khác	436.068	28.920.102
	21.926.142.048	17.621.197.669

28. Chi phí tài chính

	2012 VND	2011 VND
Chi phí lãi vay	905.628.893	1.021.295.471
Lỗ do thanh lý đầu tư dài hạn khác	216.467.384	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	252.806.958	3.090.838.573
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	381.214.750
Chi phí tài chính khác	47.303.228	15.303.028
	1.422.206.463	4.508.651.822

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

29. Thu nhập khác

	2012 VND	2011 VND
Giảm giá của nhà cung cấp	4.606.475.813	4.445.021.136
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	143.597.151	86.697.651
Thu nhập khác	1.462.566.978	140.930.373
	6.212.639.942	4.672.649.160

30. Chi phí khác

	2012 VND	2011 VND
Lỗ do thanh lý tài sản cố định hữu hình	87.876.591	75.879.760
Trả bồi thường do vi phạm hợp đồng	258.848.042	158.750.904
Các khoản phạt về thuế	856.285.343	1.655.722.257
Chi phí khác	621.711.717	205.251.244
	1.824.721.693	2.095.604.165

31. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2012 VND	2011 VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	1.583.702.535	1.937.601.031
Dự phòng thiếu trong những năm trước	1.188.506.370	2.930.272.490
	2.772.208.905	4.867.873.521
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	2.797.177.403	2.519.292.630
Xóa sổ tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	4.419.166.664
	2.797.177.403	6.938.459.294
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	5.569.386.308	11.806.332.815

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2012 VND	2011 VND
Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế	23.737.315.406	(15.135.362.853)
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	5.934.328.851	(3.783.840.713)
Ảnh hưởng của các mức thuế suất khác áp dụng cho các công ty con	(1.960.296.602)	74.579.020
Chi phí không được khấu trừ thuế	3.066.817.428	6.534.885.095
Thu nhập không bị tính thuế	(200.426.590)	(599.142.620)
Sử dụng các khoản lỗ tính thuế chưa được ghi nhận trước đây	-	(64.364.143)
Xóa sổ tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	4.419.166.664
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận	2.774.529.119	2.177.993.086
Ảnh hưởng của việc thanh lý công ty con	(5.340.366.926)	-
Biến động khác	106.294.658	(437.986.681)
Thuế từ đầu tư vào các công ty liên kết	-	554.770.617
Dự phòng thiếu trong những năm trước	1.188.506.370	2.930.272.490
	5.569.386.308	11.806.332.815

Các báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

(c) Thuế suất áp dụng

Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 25% lợi nhuận tính thuế.

Các công ty con của Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế TNDN theo các mức thuế suất từ 10% đến 25% lợi nhuận tính thuế theo các điều khoản trong Đăng ký kinh doanh tương ứng của từng công ty con và các quy định về thuế hiện hành.

32. Các công cụ tài chính

(a) Quản lý rủi ro tài chính

(i) Tổng quan

Các loại rủi ro tài chính mà Tập đoàn dễ gặp phải khi sử dụng các công cụ tài chính của mình là:

- rủi ro tín dụng
- rủi ro thanh khoản
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Tập đoàn có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Tập đoàn sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Hội đồng quản trị của Tập đoàn chịu trách nhiệm kiểm tra xem Ban Giám đốc giám sát việc tuân thủ chính sách và thủ tục quản lý rủi ro của Tập đoàn như thế nào, và soát xét tính thích hợp của chính sách quản lý rủi ro liên quan đến những rủi ro mà Tập đoàn gặp phải.

(ii) Chính sách quản lý rủi ro

Ban Giám đốc có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát chính sách quản lý rủi ro của Tập đoàn.

Các chính sách quản lý rủi ro của Tập đoàn được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Tập đoàn gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp, và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Tập đoàn. Tập đoàn, thông qua các chuẩn mực và quy trình đào tạo và quản lý, nhằm mục đích phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng trong đó tất cả các nhân viên hiểu được vai trò và trách nhiệm của họ.

(b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Tập đoàn nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng, và phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và các khoản tiền gửi tại ngân hàng.

Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	Thuyết minh	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Tiền, các khoản tương đương tiền và tiền gửi có kỳ hạn	(i)	114.523.754.775	130.270.520.656
Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác	(ii)	67.816.620.624	164.961.642.127
		<u>182.340.375.399</u>	<u>295.232.162.783</u>

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(i) Tiền, các khoản tương đương tiền và tiền gửi có kỳ hạn

Tiền, các khoản tương đương tiền và tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng của Tập đoàn chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Tập đoàn.

(ii) Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác

Giá trị ghi sổ của các khoản phải thu thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa gắn liền với các khoản phải thu này.

Rủi ro tín dụng của Tập đoàn liên quan đến khoản phải thu chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng. Đối phó với những rủi ro này, ban Giám đốc của Tập đoàn đã thiết lập một chính sách tín dụng mà theo đó mỗi khách hàng mới sẽ được phân tích riêng biệt về độ tin cậy của khả năng trả nợ trước khi Tập đoàn đưa ra các điều khoản và điều kiện giao hàng và thanh toán chuẩn cho khách hàng đó. Khoản phải thu đáo hạn trong vòng 30 tới 45 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn. Khách hàng có số dư phải thu vượt quá hạn được yêu cầu phải thanh toán số dư này trước khi được tiếp tục mua trả chậm. Tập đoàn không nắm giữ tài sản đảm bảo nào từ các khách hàng.

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá chủ yếu liên quan đến nhiều khách hàng không có lịch sử vi phạm về việc trả nợ trong thời gian gần đây. Ban Giám đốc tin rằng các khoản phải thu này có chất lượng tín dụng cao.

Tuổi nợ của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác đã quá hạn nhưng không giảm giá tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2012	31/12/2011
	VND	VND
Quá hạn từ 6 tháng đến 1 năm	10.101.889.118	5.302.876.549

Biến động trong năm của dự phòng phải thu khó đòi là như sau:

	2012	2011
	VND	VND
Số dư đầu năm	2.571.930.755	7.558.253.075
Tăng dự phòng trong năm	6.077.311.951	852.021.263
Sử dụng dự phòng	-	(3.456.603.903)
Xóa sổ	(108.405.000)	(2.381.739.680)
Số dư cuối năm	8.540.837.706	2.571.930.755

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Tập đoàn không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Tập đoàn là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Tập đoàn luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Tập đoàn.

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Tại ngày lập báo cáo, các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2012			
Vay ngắn hạn	93.000.000	93.000.000	93.000.000
Các khoản nợ tài chính ngắn hạn khác	30.669.199.721	30.669.199.721	30.669.199.721
	30.762.199.721	30.762.199.721	30.762.199.721
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2011			
Vay ngắn hạn	28.256.894.175	29.162.523.068	29.162.523.068
Các khoản nợ tài chính ngắn hạn khác	53.607.097.524	53.607.097.524	53.607.097.524
	81.863.991.699	82.769.620.592	82.769.620.592

(d) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng đến thu nhập của Tập đoàn hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Tập đoàn nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

(i) Rủi ro tỷ giá

Tập đoàn có rủi ro tỷ giá từ các giao dịch mua, bán và đi vay bằng đơn vị tiền tệ không phải là đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn, chủ yếu bằng VND và ngoài ra, bản Đô la Mỹ (USD). Đơn vị tiền tệ của các giao dịch này chủ yếu là VND và USD.

Rủi ro tiền tệ của Tập đoàn được quản lý bằng cách giữ mức rủi ro ở mức có thể chấp nhận được thông qua việc mua hoặc bán ngoại tệ ở tỷ giá giao ngay khi cần thiết để xử lý việc mức rủi ro tiền tệ ngắn hạn vượt mức cho phép.

Ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá

Tập đoàn có các khoản nợ phải trả tiền tệ thuần chịu ảnh hưởng của rủi ro tỷ giá như sau:

	31/12/2012 USD	31/12/2011 USD
Tiền và các khoản tương đương tiền	8.020	25.147
Phải thu	1.051	-
Phải trả	(335.487)	(610.471)
Vay ngắn hạn	-	(1.356.678)
	(326.416)	(1.942.002)

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

Sau đây là những tỷ giá ngoại tệ chính được Tập đoàn áp dụng:

	Tỷ giá hối đoái tại ngày	
	31/12/2012	31/12/2011
VND/USD	20.828	20.828

Dưới đây là bảng phân tích các tác động có thể xảy ra đối với lợi nhuận thuần của Tập đoàn sau khi xem xét mức hiện tại của tỷ giá hối đoái và sự biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường tại ngày báo cáo. Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là lãi suất, và bỏ qua ảnh hưởng của các dự báo bán hàng và mua sắm:

	Ảnh hưởng trên lợi nhuận thuần VND
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012	
USD (mạnh thêm 2% so với VND)	(101.978.887)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011	
USD (mạnh thêm 6,25% so với VND)	(1.896.000.828)

Biến động ngược lại của tỷ giá các đồng tiền có thể có cùng mức độ tác động nhưng ngược chiều đối với lợi nhuận thuần của Tập đoàn.

(ii) *Rủi ro lãi suất*

Tập đoàn không nắm giữ các công cụ tài chính nào có lãi suất thả nổi tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và ngày 31 tháng 12 năm 2011. Do vậy Tập đoàn không chịu ảnh hưởng do các biến động về lãi suất.

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(e) Giá trị hợp lý

(i) So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính, cùng với các giá trị ghi sổ được trình bày tại bảng cân đối kế toán, như sau:

	31/12/2012		31/12/2011	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
Được phân loại là tài sản tài chính sẵn sàng để bán:				
- Các khoản đầu tư vào công cụ vốn chủ sở hữu	42.567.090.000	(*)	88.204.590.000	(*)
Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:				
- Tiền và các khoản tương đương tiền	114.701.287.051	(*)	131.657.260.771	(*)
- Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác	67.816.620.624	(*)	164.961.642.127	(*)
- Đầu tư ngắn hạn	65.000.000	(*)	-	-
Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:				
- Các khoản phải trả người bán và phải trả khác	(30.669.199.721)	(*)	(53.607.097.524)	(*)
- Các khoản vay	(93.000.000)	(*)	(28.256.894.175)	(*)
	194.387.797.954	(*)	302.959.501.199	(*)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, 70.800 triệu VND đầu tư vào cổ phần của Ngân hàng TMCP Bảo Việt (Thuyết minh 13) được mua và nắm giữ như các khoản ủy thác đầu tư cho các bên khác. Do đó, 70.800 triệu VND ghi nhận là tài sản và 70.800 VND tương ứng ghi nhận là phải trả khác và phải trả dài hạn không bao gồm trong phân tích trên.

(ii) Cơ sở xác định giá trị hợp lý

(*) Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này để phục vụ mục đích thuyết minh thông tin phù hợp với Điều 28 của Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính vì (i) không có giá niêm yết trên thị trường hoạt động cho các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này; và (ii) các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Hệ thống Kế toán Việt Nam không có hướng dẫn về xác định giá trị hợp lý trong trường hợp không có giá niêm yết trên thị trường hoạt động. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

33. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông là 17.618 triệu VND (2011: lỗ 26.392 triệu VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 21.660.600 cổ phiếu (2011 - trình bày lại: 21.742.276 cổ phiếu), được tính như sau:

(i) Lợi nhuận/(lỗ) thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2012 VND	2011 VND
Lợi nhuận/(lỗ) thuần trong năm	17.618.061.855	(26.391.624.926)

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	2012 VND	2011 VND Số đã báo cáo trước đây
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm	17.362.291	17.660.126
Ảnh hưởng của việc phát hành cổ phiếu thưởng vào ngày 19 tháng 4 năm 2012	4.340.306	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu mua lại trong năm	(41.977)	(258.156)
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông tại ngày 31 tháng 12	21.660.600	17.401.970

(iii) Điều chỉnh lại số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền trong năm 2011

	Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền	Lỗ cơ bản trên cổ phiếu
Số báo cáo trước đây	17.401.970	(1.517)
Điều chỉnh lại do ảnh hưởng của việc phát hành cổ phiếu thưởng vào ngày 19 tháng 4 năm 2012	4.340.306	303
Số điều chỉnh lại	21.742.276	(1.214)

34. Cổ tức

Trong năm 2012, Đại Hội đồng Cổ đông của Công ty đã quyết định không phân phối cổ tức, thay vào đó Công ty phát hành cổ phiếu thưởng từ thặng dư vốn cổ phần cho các cổ đông hiện hành theo tỷ lệ mỗi bốn cổ phiếu đang nắm giữ cổ đông được nhận một cổ phiếu thưởng (Thuyết minh 23).

Vào ngày 27 tháng 4 năm 2011, Hội đồng Quản trị của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức 26.045 triệu VND (1.500 VND/cổ phiếu), trong đó 24.853 triệu VND đã được thanh toán cho các cổ đông trong năm 2011.

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

35. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính

	2012 VND	2011 VND
Chuyển hàng tồn kho thành tài sản cố định	-	3.771.256.036
Nợ phải trả thuần của công ty con tại ngày thanh lý	13.313.196.727	-

36. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với các bên liên quan được nêu trong các thuyết minh khác của các báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty và các công ty con có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	2012 VND	2011 VND
Các công ty liên kết		
<i>Công ty Cổ phần Tín học Viễn thông Hàng không</i>		
Bán hàng hóa và dịch vụ	31.534.596.000	26.353.870.727
<i>Công ty Cổ phần Thông tin Hapro</i>		
Góp vốn	-	500.000.000
<i>Công ty Thông tin Tín nhiệm Việt Nam</i>		
Góp vốn	-	500.000.000
Rút vốn	500.000.000	-
Thành viên Ban Giám đốc		
Lương và thưởng	2.593.550.000	3.093.322.388
Các khoản cho các thành viên trong Ban Giám đốc vay	789.640.706	1.550.817.256
Thành viên Hội đồng Quản trị		
Lương và thưởng	-	484.382.200
Các khoản cho các thành viên Hội đồng Quản trị vay	-	1.017.600.000

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

37. Cam kết

(i) Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được huỷ ngang như sau:

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Trong vòng một năm	1.107.216.000	3.464.700.000
Trong vòng hai đến năm năm	1.753.092.000	2.155.698.000
	2.860.308.000	5.620.398.000

(ii) Cam kết góp vốn

Tại ngày báo cáo, Công ty có cam kết góp vốn tại Công ty Cổ phần Ví Việt (“Ví Việt”) như sau:

	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Trong vòng một năm	21.000.000.000	21.000.000.000
Trong vòng hai đến năm năm	42.000.000.000	63.000.000.000
	63.000.000.000	84.000.000.000

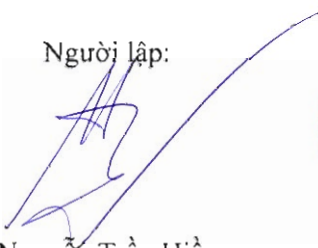
Sau ngày lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Công ty góp thêm 21.000 triệu VND vốn đầu tư tại Ví Việt.

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

38. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2012 VND	2011 VND
Chi phí nguyên vật liệu bao gồm trong chi phí sản xuất	338.366.131.372	386.022.754.566
Chi phí nhân công	42.347.711.551	61.428.243.595
Chi phí khấu hao	7.029.936.736	4.793.494.116
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.378.782.041	51.103.826.483
Chi phí khác	18.924.363.970	25.663.448.693

Người lập:  Người duyệt: 

Nguyễn Trần Hiền
Kế toán trưởng

 Võ Văn Mai
Tổng Giám đốc

31-03-2013